

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 203/2020/QĐST- HNGĐ

Thái Thụy, ngày 27 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 117/2020/TLST/HNGĐ ngày 19/5/2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ánh N, sinh năm 1985

Bị đơn: Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1985

Cùng nơi cư trú: Thôn Phúc Tiên, xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1958

Nơi cư trú: Thôn Nha Xuyên, xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Căn cứ vào điều 147, điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Điều 27 Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ánh N và anh Đỗ Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Ánh N và anh Đỗ Văn H thuận tình ly hôn.

2.2. **Về con chung:** Chị N và anh H có 02 con chung là Đỗ Ngọc H1, sinh ngày 22/11/2008 và Đỗ Khải H2, sinh ngày 30/7/2012. Sau khi ly hôn, giao hai con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H cam kết đủ điều kiện nuôi con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh H, chị N quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung:

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Anh H, chị N xác nhận còn nợ ông Phạm Văn T1 số tiền là 255.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi năm triệu đồng). Kể từ ngày 19/11/2020, anh H và chị N mỗi người phải trả ông Phạm Văn T1 số tiền là 127.500.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm nghìn đồng). Anh H, chị N phải chịu lãi suất cho số tiền chậm trả là 5,5 %/1 năm kể từ ngày 19/11/2020 cho đến khi trả hết nợ.

2.4. Về án phí: Anh H và chị N mỗi người phải chịu 3.262.500 đồng (gồm 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 3.187.500 đồng án phí nợ chung). Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002216 ngày 19/5/2020 sang tiền án phí, chị N còn phải nộp 2.962.500 đồng (Hai triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng). Trả lại ông Phạm Văn T1 số tiền tạm ứng án phí 6.375.000 đồng (Sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002366 ngày 10/9/2020 của chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy.
- THA huyện Thái Thụy.
- Các đương sự.
- UBND xã T.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Văn Vương

